

Bản án số: 106/2021/HC-PT

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính  
về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt  
bằng, tái định cư”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Huynh

**Các thẩm phán:** Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Lê Thành Long

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 618/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1201/2020/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 337/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Huỳnh Tấn Th (có mặt).

Địa chỉ: Số D, ấp B, xã TK, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Ông Phạm Quân Th1, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: 319 LTK, phường C, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người bị kiện:**

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 86 LTT, phường BN, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 349 TT, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 349 TT, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC và Ủy ban nhân dân huyện BC:** Ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện BC, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1977 – Phó Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện BC (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: 349 TT, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện BC, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC:** Bà Dương Thị Kim H – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: 269A đường ADV, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Lê Thị Diễm X, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: D, ấp B, xã TK, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người kháng cáo:** Ông Huỳnh Tấn Th.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Người khởi kiện – ông Huỳnh Tấn Th trình bày:**

Ngày 13/11/2015, Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 10020/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định số 10020/QĐ-UBND) về bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, đất ở và vật kiến trúc trên đất đối với hộ ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X. Theo đó, phần diện tích đất ông bị thu hồi để thực hiện dự án giao thông Đồng bằng sông Cửu Long là 69,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 4161, tờ bản đồ số 3 (Theo tài liệu chỉnh lý năm 1992), tương ứng một phần thửa 812 tờ bản đồ số 70 (theo Tài liệu năm 2005) thuộc bộ địa chính xã TK, huyện BC.

Theo Quyết định số 10020/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X thì số tiền ông được bồi thường là 219.481.400 đồng.

Ngày 25/01/2016, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 202/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X (gọi tắt là Quyết định số 202/QĐ-UBND) bồi thường bổ sung cho ông Th với số tiền là 39.385.244 đồng.

Không đồng ý, ông Th khiếu nại Quyết định số 10020/QĐ-UBND và Quyết định số 202/QĐ-UBND đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC.

Ngày 04/3/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 1293/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th (gọi tắt là Quyết định số 1293/QĐ – UBND), theo đó không chấp nhận khiếu nại của ông Th.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC, ông Th tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/9/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4820/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Th (gọi tắt là Quyết định số 4820/QĐ-UBND), theo đó, không chấp nhận khiếu nại của ông, chỉ xem xét hỗ trợ đối với phần diện tích 53,7m<sup>2</sup> theo điểm b khoản 2, Phần VIII, Chương III của Phương án số 613/PA-HĐBT.

Đến ngày 04/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 8502/QĐ-UBND bồi thường hỗ trợ bổ sung cho ông Th theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 4820/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 157.709.429 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Th được bồi thường, hỗ trợ là 288.866.685 triệu + 157.709.429 đồng.

Ông Th cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành các quyết định bồi thường cho ông là không hợp lý vì các lý do sau:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 12/6/2014 của Công ty TNHH MTV tư vấn Thiết kế xây dựng đo đạc Thành Phát lập được Ủy ban nhân dân xã TK xác nhận ngày 28/7/2014 xác định phần diện tích bị ảnh hưởng trong Dự án của ông Huỳnh Tấn Th là 69,4m<sup>2</sup> loại đất T, tương ứng loại đất ODT. Theo Công văn số 870/UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã TK về xác định thông tin địa chính của hộ dân Huỳnh Tấn Th bị ảnh hưởng trong Dự án phát triển hạ tầng giao thông Đồng Bằng sông Cửu Long. Phần đất của ông Huỳnh Tấn Th đang được sử dụng có nguồn gốc theo tài liệu 299/TTg thuộc thửa 1363 tờ bản đồ số 02, loại đất thổ tập trung, ông Huỳnh Văn T (là cha của ông Huỳnh Tấn Th) không đăng ký sổ bộ. Ông Huỳnh Văn T tặng cho ông Huỳnh Tấn Th phần đất để xây dựng nhà, sử dụng ổn định từ năm 2000 cho đến nay.

Vì vậy, đất của ông Th bị thu hồi được chính Ủy ban nhân dân huyện BC xác định là loại đất ODT. Trong bản dự toán bồi thường (tại trang 5), 69,4m<sup>2</sup> đất của ông được Ban bồi thường dự kiến bồi thường theo giá đất ở với số tiền là 676.891.600 đồng nhưng khi ban hành quyết định bồi thường thực tế chỉ bồi thường cho ông là 219.481.400 đồng khi không có bất kỳ giải thích nào. Sau các lần khiếu nại có bồi thường bổ sung thêm 157.709.108 đồng. Từ đó nhận thấy việc bồi thường có nhiều sai sót, bất cập.

Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai thì ông Th phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo trường hợp đất ở được tặng cho. Vì vậy, việc xác định 53,7m<sup>2</sup> đất ở của ông là đất nông nghiệp theo như trong Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00903 cấp ngày 24/11/2010 là không hợp lý.

Trong Quyết định số 4820/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng xem xét giải quyết hỗ trợ đối với phần diện tích 53,7m<sup>2</sup> theo điểm b, khoản 2, phần XVII, chương III và được hỗ trợ vật kiến trúc theo điểm a, khoản 2, phần III, chương IV của phương án bồi thường số 613/PA-HĐBT. Theo đó, phần đất ông Th bị thu hồi được hỗ trợ về đất bằng 30% đơn giá đất ở theo trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là không đúng. Vì cũng trong phương án bồi thường này, tại điều 4 phần XVII, trường hợp của ông có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, nhưng đã chuyển mục đích sử dụng đất từ trước năm 2004 thì được hỗ trợ theo thời điểm sử dụng quy định tại điểm a, khoản 1, phần XVII tức trường hợp của ông sẽ được bồi thường hỗ trợ về đất bằng 100% đất ở. Mặc dù, các quyết định bồi thường không công nhận 53,7m<sup>2</sup> đất của ông là đất ở, thì theo điều khoản được quy định như trên, ông vẫn được bồi thường theo đơn giá đất ở.

Vì vậy, Quyết định số 4820/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác yêu cầu khiếu nại của ông là không đúng quy định.

Theo quy định tại điều 74 Luật Đất đai năm 2013, việc bồi thường phải đảm bảo công bằng cho các hộ dân thuộc khu vực. Vì vậy, trong cùng lộ giới so với mặt tiền đường NCP đã được quy hoạch có cùng một mục đích là phục vụ Phát triển kinh tế xã hội, mà khi thu hồi đất có gia đình được bồi thường đất ở (gia đình bà Nguyễn Thị A), còn gia đình khác bồi thường đất nông nghiệp là không công bằng.

Như vậy toàn bộ phần đất bị thu hồi của ông phải được bồi thường theo đơn giá đất ở, đồng thời nhà ở công trình xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường theo giá đất ở vì công trình trên đất ở xây dựng trước năm 2004 theo điểm b khoản III chương IV của Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng bồi thường Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long được bồi thường 100% giá trị xây dựng.

Nên phần đất bị thu hồi của ông Th phải được bồi thường, hỗ trợ như sau:

Tổng cộng số tiền mà ông Th phải được bồi thường, hỗ trợ về đất phải là:  $69,4\text{m}^2 \times 7.512.000 = 521.332.800$  đồng (Năm trăm hai mươi một triệu ba trăm ba mươi hai nghìn tám trăm đồng). Tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình xây dựng trên đất:  $71,6\text{m}^2 \times 3.160.000 = 226.256.000$  đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Về các khoản hỗ trợ khác: Ông Th đề nghị được xem xét hỗ trợ các khoản sau:

- Hỗ trợ di chuyển nhà (theo quy định tại khoản 3 phần VI Chương IV của Phương án bồi thường đính kèm): Hỗ trợ kinh phí để tháo dỡ di chuyển tài sản là 6.000.000 đồng.

Khen thưởng di dời (theo quy định tại khoản 2 phần V Chương IV của Phương án bồi thường đính kèm): 15.000.000 (mười lăm triệu đồng).

Tuy ông Th không đồng ý với việc bồi thường nhưng vẫn chấp nhận giao đất cho nhà nước để thực hiện dự án.

Như vậy, theo ông Th thì tổng cộng số tiền ông phải được bồi thường, hỗ trợ là:  $521.332.800 + 226.256.000 + 15.000.000 + 6.000.000 = 768.588.800$  (bảy trăm sáu mươi tám triệu năm trăm tám mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Tại phiên toà, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định:

- Quyết định số 10020/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X.

- Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th.

- Quyết định số 1293/QĐ – UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th.

- Quyết định số 8502/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th.

- Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th.

**Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM trình bày:**

Cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th:

Ngày 13 tháng 11 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 10020/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ về đất ở, nhà ở, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X trong Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC với tổng số tiền là 219.481.441 đồng (hai trăm mười chín triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn, bốn trăm bốn mươi một đồng).

Do không đồng ý với Quyết định số 10020/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện BC, ông Th có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC khiếu nại, yêu cầu các nội dung:

- + Yêu cầu bồi thường phần diện tích  $53,7m^2$  theo đơn giá đất ở.
- + Yêu cầu bồi thường toàn bộ phần nhà ở, công trình xây dựng bị ảnh hưởng trong Dự án (Nhà 1 diện tích  $35,7m^2$ ; nhà 2 diện tích  $9,31m^2$ ).

Ngày 04 tháng 3 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1293/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC, ông Th có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Phần đất của ông Th bị ảnh hưởng trong Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long có diện tích 69,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 4161, tờ bản đồ số 3, theo tài liệu chỉnh lý 1992, (tương ứng một phần thửa 128, tờ bản đồ số 70, theo tài liệu 2005) thuộc bộ địa chính xã TK. Hiện trạng trên đất: có nhà và sân - công trình gắn liền với nhà phục vụ cho sinh hoạt.

Về nguồn gốc quá trình sử dụng: nguồn gốc đất do hộ ông Huỳnh Văn T (là cha của ông Huỳnh Tấn Th) sử dụng từ năm 1975, đến năm 1976 ông T xây dựng nhà. Theo tài liệu chỉnh lý năm 1992: thuộc thửa 4161, tờ bản đồ số 03, theo sổ bộ đăng ký do Ủy ban nhân dân xã và ông T đăng ký, diện tích 660m<sup>2</sup>, loại đất thổ. Theo Tài liệu 299/TTg: thuộc phần thửa 1363, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ tập trung, do bà Nguyễn Thị A (vợ ông T) đăng ký 300/7460m<sup>2</sup>. Bà Nguyễn Thị A đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02230 ngày 27 tháng 4 năm 2012 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp với tổng diện tích đất ở là 351,9m<sup>2</sup>; đã cho tặng toàn bộ quyền sử dụng đất trên giấy chứng nhận cho ông Huỳnh Hữu T1 được đăng bộ ngày 07 tháng 5 năm 2015.

Năm 2000, ông T cho ông Th phần đất thuộc thửa 4161, tờ bản đồ số 03, tài liệu chỉnh lý năm 1992 để xây dựng nhà, sử dụng ổn định cho đến nay (văn bản số 585/UBND ngày 09 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã TK).

Năm 2010, ông Th được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00903 ngày 24 tháng 11 năm 2010 bao gồm:

Loại đất ở, vị trí mặt tiền đường NCP: 15,7m<sup>2</sup>; loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí mặt tiền đường NCP: 53,7m<sup>2</sup>.

Nhà ở địa chỉ số D ấp B xã TK, được ông Huỳnh Tấn Th xây dựng năm 2001. Kết cấu: vách gạch, mái tole, cột BTCT, nền gạch ceramic, sân gạch.

- Căn cứ Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC đã được Ủy ban nhân dân huyện BC phê duyệt tại Quyết định số 9925/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015; Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 14 tháng 01 năm 2014; Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng ngày 14 tháng 01 năm 2014; Ngày 13 tháng 11 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện BC có Quyết định số 10020/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ về đất ở, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X (đính kèm Phiếu chiết tính số 44/PCT-BBT ngày 13 tháng 11 năm 2015), cụ thể như sau:

+ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Loại đất ở, vị trí mặt tiền đường NCP:  $15,7\text{m}^2 \times (3.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 2,504) = 117.938.400 \text{ đồng}$ .

Loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí mặt tiền đường NCP:  $53,7\text{m}^2 \times (152.000 \text{ đồng/m}^2 \times 2,467) = 20.136.461 \text{ đồng}$ .

+ Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc:

Nhà 1: cột sắt, vách tường, nền xi măng, mái tôn, diện tích  $35,7\text{m}^2$ ; Nhà 2: cột BTCT, vách tường, nền ceramic, trần thạch cao, mái tôn, diện tích  $9,31\text{m}^2$  (không bồi thường hỗ trợ, nhà xây dựng năm 2001, trên đất trồng cây lâu năm)

Nhà 2: cột BTCT, vách tường, nền ceramic, trần thạch cao, mái tôn:  $9,59\text{m}^2 \times 3.160.000 \text{ đồng/m}^2 = 30.304.400 \text{ đồng}$ .

Nhà 3: cột BTCT, vách tường, nền ceramic, mái tôn:  $17\text{m}^2 \times (3.160.000 - 154.000 \text{ đồng/m}^2) = 51.102.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền ông Huỳnh Tấn Th nhận bồi thường, hỗ trợ: 219.481.441 đồng. (Hai trăm mười chín triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn, bốn trăm bốn mươi một đồng).

Căn cứ điểm b, khoản 2, Phần XVII, chương III Phương án 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng bồi thường Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long quy định:

2. Hỗ trợ về đất đối với trường hợp quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai, nhưng không có văn bản ngăn chặn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b. Hiện trạng là đất ở:

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vào mục đích ở từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì được hỗ trợ về đất bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường, diện tích hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định; phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) được hỗ trợ bằng 50% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo Phương án được duyệt đối với phần diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá  $10.000\text{m}^2/\text{hộ}$ ; phần diện tích còn lại không tính hỗ trợ.

Căn cứ điểm a, khoản 2, Phần III Chương IV Phương án 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng bồi thường Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long quy định:

2. Về hỗ trợ: việc hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân giải quyết như sau:

a. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện bồi thường về đất ở nhưng được tính hỗ trợ theo quy định tại Phần

XVII Chương III của Phương án này, tùy theo thời điểm xây dựng, được hỗ trợ như sau:

Trường hợp được hỗ trợ về đất theo quy định tại điểm b khoản 2 Phần XVII Chương III của Phương án thì mức hỗ trợ tương ứng với mức hỗ trợ về thời điểm sử dụng đất, cụ thể:

Nhà ở, công trình xây dựng khác từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 được xét hỗ trợ bằng 50% giá trị xây dựng;

Phần đất diện tích 53,7m<sup>2</sup> nằm trong lộ giới đường NCP có phần nhà 11,7 m, phần còn lại là sân – công trình gắn liền với nhà phục vụ cho sinh hoạt được ông Huỳnh Tấn Th xây dựng từ năm 2001, do đó đủ điều kiện hỗ trợ về đất theo quy định tại điểm b, khoản 2, mục XVII, chương III và hỗ trợ vật kiến trúc theo quy định tại điểm a khoản 2 Phần III, Chương IV của Phương án 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng bồi thường Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long.

Từ những căn cứ nêu trên, việc ông Huỳnh Tấn Th khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 53,7m<sup>2</sup> theo đơn giá đất ở là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Trên cơ sở xác minh và kết luận nêu trên, ngày 15 tháng 9 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 4820/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th.

Ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

Quyết định giải quyết khiếu nại số 4820/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Công nhận một phần nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1293/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC, cụ thể: Bác nội dung ông Huỳnh Tấn Th khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 53,7m<sup>2</sup> theo đơn giá đất ở; bác yêu cầu bồi thường toàn bộ phần nhà ở, công trình xây dựng bị ảnh hưởng trong dự án; Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 53,7m<sup>2</sup> (69,4m<sup>2</sup> – 15,7m<sup>2</sup>) theo đơn giá đất ở. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC xem xét giải quyết hỗ trợ đối với phần đất diện tích 53,7m<sup>2</sup> theo điểm b, khoản 2, mục XVII, chương III và được hỗ trợ vật kiến trúc theo điểm a, khoản 2, Phần III, Chương IV của Phương án 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng bồi thường Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long (đã được Ủy ban nhân dân huyện BC phê duyệt tại Quyết định số 9925/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015) là phù hợp quy định.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố giữ nguyên nội dung giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 4820/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện BC và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC trình bày:**



Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Nguồn gốc đất do hộ ông Huỳnh Văn T sử dụng từ năm 1975, đến năm 1976 ông T xây dựng nhà (hiện nay là nhà ở có địa chỉ D14/4 ấp B, xã TK, huyện BC).

Theo Tài liệu chỉnh lý 1992: thuộc thửa 4161, tờ bản đồ số 03, theo sổ bộ đăng ký do Ủy ban nhân dân xã và ông Huỳnh Văn T đăng ký, diện tích 660m<sup>2</sup>, loại đất thổ và thửa 4160, tờ bản đồ số 03, theo sổ bộ đăng ký do Ủy ban nhân dân xã và ông Huỳnh Văn T đăng ký, diện tích 220m<sup>2</sup>, loại đất ao, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Căn cứ theo Công văn số 585/UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã TK).

Theo Tài liệu 299/TTg: thuộc phần thửa 1363 tờ bản đồ số 02, loại đất thổ tập trung, ông T không đăng ký, bà Nguyễn Thị A là vợ của ông T đăng ký 300/7460m<sup>2</sup>.

Căn cứ Điều 50, Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất và xác định diện tích đất ở đối với trường hợp có vườn, ao.

Ngày 27 tháng 4 năm 2012, bà Nguyễn Thị A đã được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02230 với tổng diện tích đất là 351,9m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng là đất ở đô thị.

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X:

Năm 2000, ông T tặng cho ông Th phần đất thuộc một phần thửa 4161, tờ bản đồ số 3, tài liệu chỉnh lý 1992 để xây dựng nhà, sử dụng ổn định cho đến nay.

Theo tài liệu bản đồ địa chính 2005 thuộc Bộ địa chính xã TK thuộc thửa 812 do ông Huỳnh Tấn Th đăng ký.

Nhà số D ấp B, xã TK do ông Huỳnh Tấn Th xây dựng năm 2001.

Ngày 24 tháng 11 năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00903 cho ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X, theo đó:

Phần diện tích được cấp Giấy chứng nhận:

+ Diện tích đất ở: 79,8m<sup>2</sup>.

+ Diện tích nhà ở: 36m<sup>2</sup>.

- Phần diện tích vi phạm lộ giới đường NCP theo Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) các tuyến đường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh không được công nhận.

+ Phần diện tích đất: 53,7m<sup>2</sup>.

+ Phần diện tích nhà, công trình: 11,7m<sup>2</sup>.

Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của ông Huỳnh Tấn Th:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 12 tháng 6 năm 2014 do công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đo đạc Thành Phát lập được Ủy ban nhân dân xã TK xác nhận ngày 28 tháng 7 năm 2014, xác định phần diện tích bị ảnh hưởng trong dự án của ông Huỳnh Tấn Th là 69,4m<sup>2</sup> loại đất T, thuộc một phần thửa 4161, tờ bản đồ số 3, bộ địa chính xã TK, huyện BC, theo tài liệu chỉnh lý 1992, tương ứng loại đất ODT, thuộc một phần thửa 812, tờ bản đồ số 70, bộ địa chính xã TK, huyện BC, theo tài liệu 2005.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00903 của Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC do Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện BC lập ngày 14 tháng 01 năm 2014;

Căn cứ Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC của ông Huỳnh Tấn Th ngày 14 tháng 01 năm 2014 đã được Ủy ban nhân dân xã TK xác nhận ngày 28 tháng 07 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 9590/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện BC về thu hồi đất do ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X sử dụng tại xã TK để thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC;

Diện tích thu hồi nằm trong ranh dự án: 69,4m<sup>2</sup>, trong đó gồm có:

- Phần diện tích 15,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 812-1, đã được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00903 ngày 24 tháng 11 năm 2010.

- Phần diện tích 53,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 812-2 nằm trong lộ giới đường NCP được công nhận đất trồng cây lâu năm.

Căn cứ phần II, chương III và phần III, chương IV, Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 về bồi thường, hỗ trợ Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC.

Ngày 13 tháng 11 năm 2015, Ban Bồi thường lập Phiếu chiết tính số 44/PCT-BBT về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X bị ảnh hưởng trong dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể như sau:

Bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Loại đất ở, vị trí mặt tiền đường NCP: 15,7m<sup>2</sup> x (3.000.000 đồng x 2,504) = 117.938.400 đồng.

- Loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí mặt tiền đường NCP:  $53,7\text{m}^2 \times (152.000 \text{ đồng} \times 2,467) = 20.136.641 \text{ đồng}$  (Phần diện tích nằm trong lộ giới đường NCP được công nhận đất trồng cây lâu năm).

Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc:

- Nhà 1: Cột sắt, mái tole, vách tường, nền xi măng, diện tích  $35,7\text{m}^2$  và Nhà 2: cột BTCT, mái tole, vách tường, nền ceramic, trần thạch cao, diện tích  $9,31\text{m}^2$  (không bồi thường hỗ trợ nhà xây dựng năm 2001 trên đất trồng cây lâu năm)

- Nhà 2: cột BTCT, mái tole, vách tường, nền ceramic, trần thạch cao:  $9,59\text{m}^2 \times 3.160.000 \text{ đồng} = 30.304.400 \text{ đồng}$ .

- Nhà 3: cột BTCT, vách tường, nền ceramic, mái tole:  $17,0\text{m}^2 \times (3.160.000 \text{ đồng} - 154.000 \text{ đồng}) = 51.102.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là: 219.481.441 đồng (Hai trăm mười chín triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn, bốn trăm bốn mươi một đồng).

Ngày 13 tháng 11 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 10020/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ về đất ở, nhà ở, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X trong Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC.

Căn cứ Văn bản số 13410/SXD-KTXD ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Sở Xây dựng về việc tính toán quy đổi suất vốn đầu tư xây dựng tại thời điểm năm 2015 của Biểu giá chuẩn tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Ban Bồi thường lập Phiếu chiết tính số 455/PC-BBT về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung trong dự án đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X bị ảnh hưởng trong dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể như sau:

- Nhà 2: cột BTCT, mái tole, vách tường, nền ceramic, trần thạch cao:  $9,59\text{m}^2 \times 3.160.000 \text{ đồng} \times 114,97\% = 34.840.969 \text{ đồng}$ .

- Nhà 3: cột BTCT, mái tole, vách tường, nền ceramic:  $17,0\text{m}^2 \times (3.160.000 \text{ đồng} - 154.000 \text{ đồng}) \times 114,97\% = 58.751.969 \text{ đồng}$ .

- Hỗ trợ sửa chữa:  $15,7 \text{ m}^2 \times (3.160.000 \text{ đồng} - 154.000 \text{ đồng}) \times 114,97\% \times 50\% = 27.198.706 \text{ đồng}$ .

- Khấu trừ điểm 1, phần III, Phiếu chiết tính số 44/PCT-BBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 = 81.406.400 đồng.

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ bổ sung là: 39.385.244 đồng (Ba mươi chín triệu, ba trăm tám mươi lăm ngàn, hai trăm bốn mươi bốn đồng).

Ngày 25 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 202/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X trong Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC.

Không đồng ý với Quyết định số 10020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện BC, ông Th gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC.

Ngày 04 tháng 3 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 1293/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th; địa chỉ thường trú: D, ấp B, xã TK, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Th.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC, ông Th gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 9 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định 4820/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th. Theo đó “Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 53,7 m<sup>2</sup> (69,4 m<sup>2</sup> - 15,7 m<sup>2</sup>) theo đơn giá đất ở.

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC xem xét giải quyết hỗ trợ đối với phần đất diện tích 53,7m<sup>2</sup> theo điểm b, khoản 2, phần XVII, Chương III và được hỗ trợ vật kiến trúc theo điểm a, khoản 2, phần III, Chương IV của Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng bồi thường Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long (đã được Ủy ban nhân dân huyện BC phê duyệt tại Quyết định số 9925/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015)”.  
Ngày 27 tháng 9 năm 2016, Ban Bồi thường lập Phiếu chiết tính số 967/PCT về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trong dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC, theo đó:

Bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Loại đất ở, vị trí mặt tiền đường NCP:  $53,7\text{m}^2 \times (3.000.000 \text{ đồng} \times 30\% \times 2,504) = 121.018.320 \text{ đồng}$ .

- Khấu trừ điểm 2, khoản 2, phần II Phiếu chiết tính số 44/PCT-BBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Ban Bồi thường: 20.136.641 đồng.

Bồi thường về nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 2001 nằm trong lộ giới đường NCP:

- Nhà 1: cột sắt, vách tường, nền xi măng, mái tôn, diện tích  $35,7\text{m}^2 \times 1.945.000 \times 50\% \times 114,97\% = 39.915.572 \text{ đồng}$ .

- Nhà 2: cột BTCT, vách tường, nền ceramic, trần thạch cao, mái tôn, diện tích  $9,31\text{m}^2 \times 3.160.000 \times 50\% \times 114,97\% = 16.911.857 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: 157.109.708 đồng.

Hiện tại, ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X đã đồng ý ký hồ sơ nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Từ những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện BC và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ

nguyên các quyết định bồi thường, hỗ trợ của ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố HCM, Ủy ban nhân dân huyện BC và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC trình bày:**

Thông nhất theo nội dung Công văn số 5265/UBND-NCPC ngày 22/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 1729/UBND ngày 14/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện BC và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC.

**Tại bản án hành chính sơ thẩm số 1201/2020/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án,*

*Tuyên xử:*

*1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Th về việc yêu cầu hủy các Quyết định:*

*- Quyết định số 10020/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X;*

*- Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th;*

*- Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th;*

*- Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th;*

*- Quyết định số 8502/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th.*

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 20/8/2020, người khởi kiện là ông Huỳnh Tấn Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên toà phúc thẩm:**

**Ông Huỳnh Tấn Th trình bày:** Ông Th yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th. Hủy các Quyết định số 10020/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X; Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đất đối với ông Huỳnh Tấn Th; Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th; Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th; Quyết định số 8502/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th. Ông Th xác định phần đất 133,5m<sup>2</sup> trước đây được cha, mẹ cho nhưng không có giấy tờ cho; trước đây cha mẹ cũng không có giấy tờ chứng minh chủ quyền về khu đất này; ông Th đi đăng ký kê khai và được cấp 133,5m<sup>2</sup>, trong đó 79,8m<sup>2</sup> thổ cư; 53,7m<sup>2</sup> đất vườn; Nhà nước thu hồi theo mục đích là đúng theo giấy chủ quyền.

**Ông Phạm Quân Th1 trình bày:** Ông Th yêu cầu được nhận 6 triệu đồng việc hỗ trợ di dời, 15 triệu đồng tiền khen thưởng. Đồng thời thừa đất số 601 do ông T để lại xác định đây là đất ở bồi thường, bị sai sót trở thành đất nông nghiệp. Bồi thường nhà ở ông Th yêu cầu phải được bồi thường là giá đất ở.

**Ông Trần Ngọc V trình bày:** Sở dĩ có sự chênh lệch giữa giá bồi thường trên dự thảo và giá bồi thường thực tế là dự án có bảng dự toán công bố cho các hộ dân, niêm yết tại địa phương. Trong bảng dự toán ban bồi thường có ghi bảng dự toán này được tạm tính theo đơn giá nhà đất hợp pháp, hợp lệ và các số liệu kiểm kê, điều tra hiện trạng ban đầu về tài sản hoa màu, cây trồng do đó giá trị bồi thường hỗ trợ thực tế sẽ có thay đổi tùy thuộc vào hiện trạng pháp lý về nhà, đất đang sử dụng, mức thiệt hại thực tế về tài sản, hoa màu, cây trồng của từng hộ và đơn giá hỗ trợ bồi thường do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Khi giả tòa trắng mới được hỗ trợ 6 triệu đồng còn ở đây chỉ giải tỏa phần nhà phía trước thôi, nằm trong lộ giới nên ông Th không được hỗ trợ 6 triệu đồng. Ông Th không được nhận 15 triệu đồng tiền khen thưởng là do UBND huyện BC ban hành quyết định cưỡng chế rồi sẽ không được nhận 15 triệu, chỉ được 15 triệu khi chưa ban hành quyết định cưỡng chế.

**Bà Dương Thị Kim H trình bày:** Cha mẹ ông Th cho ông Th năm 2000-2001 và phần đất 53,7m<sup>2</sup> nằm trong lộ giới quyết định số 6982, Ủy ban cấp giấy chứng nhận là đúng quy định. Yêu cầu bồi thường theo giá đất ở là không có cơ sở.

**Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.
- Về nội dung:

+ Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Ngày 25/4/2015, UBND huyện BC ban hành Thông báo số 461/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long. Trên cơ sở đó, UBND huyện BC ban hành Quyết định thu hồi đất số 9590; Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 100020; Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 202; Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 8502 là đúng thẩm quyền tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai. Trình tự, thủ tục thu hồi đất đúng quy định tại Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013.

+ Nguồn gốc đất: Phần diện tích đất 69,4m<sup>2</sup> đất thu hồi có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn T (cha của ông Th) sử dụng từ năm 1975 và xây nhà năm 1976. Theo tài liệu chỉnh lý năm 1992, thuộc thửa 4161, tờ bản đồ số 03, theo sổ bộ đăng ký do Ủy ban nhân dân xã và ông Huỳnh Văn T đăng ký, diện tích 660m<sup>2</sup>, loại đất thổ. Theo Tài liệu 299/TTg: thuộc phần thửa 1363, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ tập trung, do bà Nguyễn Thị A (vợ ông T) đăng ký 300/7.460m<sup>2</sup>. Năm 2000, ông T tặng cho ông Th phần đất thuộc thửa 4161, tờ bản đồ số 03, tài liệu chỉnh lý năm 1992, ông Th xây nhà từ năm 2001 và sử dụng ổn định cho đến nay và được UBND huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00903 ngày 24/11/2010, diện tích 133,5m<sup>2</sup> đất (79,8m<sup>2</sup> ODT, 53,7m<sup>2</sup> CLN), trong đó diện tích 53,7m<sup>2</sup> đất CLN và diện tích nhà, công trình 11,7m<sup>2</sup> đều nằm trong lộ giới đường NCP được công nhận.

+ Ông Th cho rằng UBND huyện BC thu hồi của ông diện tích 69,4m<sup>2</sup> đất nhưng chỉ bồi thường 15,7m<sup>2</sup> đất là đất ở, còn diện tích 53,7m<sup>2</sup> là CLN là không có cơ sở. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00903 do UBND huyện BC cấp cho ông Huỳnh Tấn Th ngày 24/11/2010 phần diện tích 53,7m<sup>2</sup> là đất CLN nên việc UBND huyện BC bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là có căn cứ. Theo quy định của pháp luật thì Nhà nước xem xét hỗ trợ khi thu hồi đất đối với trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất. Tuy nhiên, UBND huyện BC đã xem xét tình hình thực tế và hỗ trợ cho ông 30% theo giá đất ở đối với diện tích 53,7m<sup>2</sup> là đã có lợi cho ông. Do đó, kháng cáo của ông Th đối với yêu cầu này không được chấp nhận.

+ Ông Th cho rằng toàn bộ phần diện tích 71,6m<sup>2</sup> nhà ở, công trình xây dựng trên đất (bao gồm Nhà 1: diện tích 35,7m<sup>2</sup>; Nhà 2 diện tích 9,31m<sup>2</sup>; Nhà 3 diện tích 17m<sup>2</sup>) phải được bồi thường 100% giá trị xây dựng theo đơn giá đất ở vì công trình, nhà ở nêu trên được xây dựng trước năm 2004 thấy rằng:

Phần Nhà 1: diện tích 35,7m<sup>2</sup>; Nhà 2 diện tích 9,31m<sup>2</sup> xây trên đất nông nghiệp là vi phạm pháp luật, không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên, UBND huyện BC đã xem xét, hỗ trợ phần diện tích này cho ông Th.

Phần Nhà 2: diện tích 9,59m<sup>2</sup>; Nhà 3: diện tích 17m<sup>2</sup> xây trên diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận, được UBND huyện BC bồi thường, hỗ trợ.

UBND huyện BC đã bồi thường, hỗ trợ cho ông Th toàn bộ diện tích 71,6m<sup>2</sup> nhà ở, công trình xây dựng bị ảnh hưởng là đúng quy định của pháp luật

tại Điều 89 Luật Đất đai năm 2013, Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Phương án số 613. Do đó kháng cáo này của ông Th không có cơ sở xem xét.

+ Yêu cầu hỗ trợ di chuyển nhà và thưởng di dời: Phần diện tích nhà của ông Th xây dựng trên đất nông nghiệp là xây dựng trái phép nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ di chuyển. Ngoài ra, ông Th không bàn giao mặt bằng, đã bị Chủ tịch UBND huyện BC ra quyết định cưỡng chế là không đủ điều kiện được thưởng di dời.

Từ những phân tích trên, thấy rằng kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Th là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Th. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Th còn trong thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt nhưng các đương sự này đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Ngày 13/11/2015, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 10020/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X. Ngày 25/01/2016, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 202/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th. Ngày 04/3/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 1293/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th. Ngày 15/9/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4820/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th. Ngày 04/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 8502/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 75, Điều 79, Điều 83, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 98 Luật Tổ chức Hội



đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Điều 49 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

[2.2] Xét về nguồn gốc đất:

Nguồn gốc đất do hộ ông Huỳnh Văn T (là cha của ông Huỳnh Tấn Th) sử dụng từ năm 1975 và xây dựng nhà năm 1976. Theo tài liệu chính lý năm 1992 thì thuộc thửa 4161, tờ bản đồ số 3, theo sổ bộ đăng ký do Ủy ban nhân dân xã và ông Huỳnh Văn T đăng ký, diện tích 660m<sup>2</sup>, loại đất thổ. Theo tài liệu 299/TTg thì thuộc một phần thửa 1363, tờ bản đồ số 2, loại đất thổ tập trung, do bà Nguyễn Thị A là vợ ông Huỳnh Văn T đăng ký 300/7.460m<sup>2</sup>. Ngày 27/4/2012, bà Ánh được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02230 với tổng diện tích đất ở là 351,9m<sup>2</sup> và đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất này cho con là ông Huỳnh Hữu T1, đăng bộ ngày 07/5/2015. Năm 2000, ông Huỳnh Văn T tiếp tục tặng cho ông Huỳnh Tấn Th phần đất thuộc thửa 4161, tờ bản đồ số 3, tài liệu chính lý 1992, ông Th xây dựng nhà năm 2001, sử dụng ổn định cho đến nay. Ngày 24/11/2010, ông Th được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00903, diện tích 133,5m<sup>2</sup>, trong đó: đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. 53,7m<sup>2</sup>, diện tích nhà, công trình 11,7m<sup>2</sup> đều nằm trong lộ giới đường NCP không được công nhận.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Th trình bày “Phần đất 133,5m<sup>2</sup> trước đây tôi được cha, mẹ cho nhưng không có giấy tờ cho, trước đây cha mẹ tôi cũng không có giấy tờ chứng minh chủ quyền về khu đất này”, “Tôi đi đăng ký kê khai và được cấp 133,5m<sup>2</sup>, trong đó 79,8m<sup>2</sup> thổ cư; 53,7m<sup>2</sup> đất vườn”, “Nhà nước thu hồi theo mục đích là đúng theo giấy chủ quyền”.

[2.3] Xét việc ông Th cho rằng phần diện tích đất 69,4m<sup>2</sup> bị thu hồi phải được bồi thường theo đơn giá đất ở:

Theo phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015 của Hội đồng bồi thường Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long đã được Ủy ban nhân dân huyện BC phê duyệt. Việc quy đổi suất vốn đầu tư xây dựng theo biểu giá chuẩn của Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Một thành viên tư vấn thiết kế xây dựng đo đạc Thành Phát lập ngày 12/6/2014 được Ủy ban nhân dân xã TK, huyện BC xác nhận ngày 28/7/2014 thì phần diện tích bị ảnh hưởng trong Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng, sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC của ông Th là 69,4m<sup>2</sup>, loại đất T, thuộc một phần thửa 4161, tờ bản đồ số 3, bộ địa chính xã TK, huyện BC, theo tài liệu chính lý 1992, tương ứng loại đất ODT, thuộc một phần thửa 812, tờ bản đồ số 70, bộ địa chính xã TK, huyện BC, theo tài liệu 2005.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00903 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho ông Huỳnh Tấn Th ngày 24/11/2010 và Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) các tuyến đường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì phần diện tích vi phạm lộ giới của hộ ông Huỳnh Tấn Th đối với diện tích đất là 53,7m<sup>2</sup>, diện tích nhà, công trình là 11,7m<sup>2</sup>.

Căn cứ phần II chương III và phần III chương IV của Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015 về bồi thường, hỗ trợ dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC, ngày 13/11/2015, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 10020/QĐ-UBND và ngày 25/01/2016 ban hành Quyết định số 202/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X là có căn cứ, đúng quy định tại Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

[2.4] Xét ý kiến của ông Th cho rằng phần diện tích nhà ở và công trình xây dựng trên đất diện tích sàn là 71,6m<sup>2</sup> phải được bồi thường 100% giá trị xây dựng theo đơn giá đất ở vì công trình, nhà ở nêu trên được xây dựng trước năm 2004:

Xét, theo quy định tại điểm a mục 2 Phần XVII, chương III của Phương án 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015 thì “Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện bồi thường về đất ở nhưng được tính hỗ trợ theo quy định tại phần XVII Chương III của Phương án này, tùy theo thời điểm xây dựng, được hỗ trợ như sau: Trường hợp chỉ được hỗ trợ về đất theo quy định tại điểm b khoản 2 phần XVII Chương III của Phương án thì mức hỗ trợ tương ứng với mức hỗ trợ về thời điểm sử dụng đất, cụ thể: Nhà ở, công trình xây dựng khác từ 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 được xét hỗ trợ bằng 50% giá trị xây dựng.”

Theo quy định nêu trên thì việc Ủy ban nhân dân huyện BC bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc theo Quyết định số 10020/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 và Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X là đúng quy định.

[2.5] Xét ý kiến của ông Th cho rằng Ủy ban nhân dân huyện BC phải bổ sung thêm các khoản hỗ trợ khác như: hỗ trợ kinh phí để tháo dỡ di chuyển tài sản là 6.000.000 (sáu triệu đồng) và tiền khen thưởng di dời là 15.000.000 (mười lăm triệu đồng).

Theo quy định tại Chương IV của Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015 về bồi thường, hỗ trợ dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện BC thì trường hợp của ông Th không được bổ sung thêm các khoản hỗ trợ khác như hỗ trợ kinh phí để tháo dỡ di chuyển tài sản và khen thưởng di dời, bởi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC đã ban hành Quyết định số 8611/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 về việc cưỡng chế

thu hồi đất đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X, do đó yêu cầu này của ông Th là không có cơ sở.

[2.6] Như vậy, việc người khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 10020/QĐ-UBND ngày 13/11/2015; Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th; Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC về giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh Tấn Th; Quyết định số 8502/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th và Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th là không có căn cứ.

[2.7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ, đã áp dụng đúng quy định trong việc giải quyết vụ án và tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Th là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác toàn bộ kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Tấn Th phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Th. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 1201/2020/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Th về việc yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 10020/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th và bà Nguyễn Lê Thị Diễm X;

- Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th;

- Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th;

- Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Tấn Th;

- Quyết định số 8502/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với ông Huỳnh Tấn Th.

### 3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn Th phải chịu 200.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0031561 ngày 22/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Huỳnh Tấn Th phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0092490 ngày 03/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

### 4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (3)
- NLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Huỳnh**